

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc sửa đổi một số chỉ tiêu, tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới; Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao; Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới theo Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2024 - 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về phân công nhiệm vụ phụ trách triển khai, thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1002/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới; Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao; quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu, trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 345/TTr-SNN ngày 19 tháng 7 năm 2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi một số chỉ tiêu, tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới; Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao; Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới theo Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2024 – 2025.

Các chỉ tiêu, tiêu chí được sửa đổi kèm theo Quyết định này là căn cứ để chỉ đạo, xây dựng kế hoạch tổ chức, triển khai, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại các xã, huyện trên địa bàn tỉnh; là cơ sở để tổ chức xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, huyện đạt chuẩn nông thôn mới đến hết năm 2025. Các chỉ tiêu, tiêu chí khác thực hiện theo Quyết định số 1001/QĐ-UBND; Quyết định số 1002/QĐ-UBND.

*(Chi tiết có phụ lục số I; II; III kèm theo).*

**Điều 2.** Nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành và các huyện, thành phố

1. Các Sở, ban, ngành được giao phụ trách tiêu chí, chỉ tiêu

a) Căn cứ hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, lĩnh vực được giao phụ trách và điều kiện thực tế của tỉnh, các Sở, ban, ngành được giao phụ trách tiêu chí, chỉ tiêu ban hành văn bản hướng dẫn các huyện, thành phố và các xã:

- Triển khai, thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu được sửa đổi tại Điều 1 Quyết định này.

- Hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ minh chứng đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu được sửa đổi tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

b) Chủ trì thẩm định hồ sơ, mức độ đạt chuẩn từng tiêu chí, chỉ tiêu được giao phụ trách.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung khi có vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế.

b) Hằng năm, tổng hợp Báo cáo kết quả thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Căn cứ hướng dẫn của các Sở, ban, ngành, xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai, thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu được sửa đổi tại Điều 1 Quyết định này.

b) Chỉ đạo huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm thực hiện, hoàn thành các tiêu chí theo kế hoạch; kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 - 2025 để đảm bảo xây dựng nông thôn mới bền vững.

c) Tổ chức thẩm tra, trình Hồ sơ đề nghị thẩm định, xét công nhận nông thôn mới các cấp theo quy định.

d) Định kỳ, báo cáo kết quả thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn, gửi các Sở, ban, ngành phụ trách tiêu chí trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các Tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Phú 05b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hoàng Quốc Khánh**



**Phụ lục I**  
**SỬA ĐỔI MỘT SỐ CHỈ TIÊU, TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2024 – 2025**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SON LA THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 211/QĐ-TTg**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh)*

Bộ Tiêu chí xã Nông thôn mới sửa đổi theo Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 có 04 chỉ tiêu của 04 Tiêu chí được sửa đổi, gồm các tiêu tiêu 13.1-Tiêu chí số 13; chỉ tiêu 15.4-Tiêu chí số 15; Chỉ tiêu số 17.1-tiêu chí số 17; chỉ tiêu số 18.4-tiêu chí số 18. Trên cơ sở đề xuất của các ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La quyết định sửa đổi như sau:

Nội dung Chỉ tiêu, tiêu chí xã Nông thôn mới theo Quyết định số 318/QĐ-TTg được cụ thể hóa tại Quyết định số 1002/QĐ-UBND				Nội dung chỉ tiêu, tiêu chí sửa đổi theo Quyết định số 211/QĐ-TTg		Sở, ngành hướng dẫn, thẩm định
TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Nội dung Tiêu chí	Chỉ tiêu	
1	Tiêu chí số 13-Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Đạt	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, hoặc xã có tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương	Đạt	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Tiêu chí số 15-Y tế	15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 50\%$	15.4. Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử	Đạt	Sở Y tế

Nội dung Chỉ tiêu, tiêu chí xã Nông thôn mới theo Quyết định số 318/QĐ-TTg được cụ thể hóa tại Quyết định số 1002/QĐ-UBND				Nội dung chỉ tiêu, tiêu chí sửa đổi theo Quyết định số 211/QĐ-TTg			Sở, ngành hướng dẫn, thẩm định	
TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Nội dung Tiêu chí	Chỉ tiêu		
3	Tiêu chí số 17-Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Xã không thuộc khu vực III	$\geq 30\%$ ( $\geq 10\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Xã không thuộc khu vực III	$\geq 30\%$	Sở Nông nghiệp và PTNT
			Xã khu vực III	$\geq 20\%$ ( $\geq 10\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)		Xã khu vực III	$\geq 20\%$	
4	Tiêu chí số 18- Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	18.4. Tiếp cận pháp luật	a) Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn	Đạt		Sở Tư pháp
					b) Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật	Đạt		
					c) Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý	Đạt		



**Phụ lục II**  
**SỬA ĐỔI MỘT SỐ CHỈ TIÊU, TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2024 – 2025**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SON LA THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 211/QĐ-TTg**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh)*

Bộ Tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao sửa đổi theo Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 có 15 chỉ tiêu của 08 Tiêu chí được sửa đổi, gồm các tiêu tiêu 3.2; 3.4-Tiêu chí số 3; chỉ tiêu 8.4-Tiêu chí số 8; Chỉ tiêu số 13.3; 13.4-tiêu chí số 13; chỉ tiêu số 14.2; 14.3; 14.4-tiêu chí số 14; chỉ tiêu 15.2-tiêu chí số 15; chỉ tiêu số 16.1; 16.2-tiêu chí số 16; chỉ tiêu 17.10-tiêu chí số 17; chỉ tiêu số 18.1; 18.2; 18.3-tiêu chí số 18; Lược bỏ 01 chỉ tiêu 12.3-tiêu chí số 12. Trên cơ sở đề xuất của các ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La quyết định sửa đổi như sau:

Nội dung Chỉ tiêu, tiêu chí xã Nông thôn mới theo Quyết định số 318/QĐ-TTg được cụ thể hóa tại Quyết định số 1002/QĐ-UBND				Nội dung chỉ tiêu, tiêu chí sửa đổi theo Quyết định số 211/QĐ-TTg		Sở, ngành hướng dẫn, thẩm định
TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Nội dung Tiêu chí	Chỉ tiêu	
1	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả	$\geq 1$	Sở Nông nghiệp và PTNT
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	100%	
2	Thông tin và Truyền thông	8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	Đạt	8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội	Theo Công bố chỉ tiêu của Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông

Nội dung Chỉ tiêu, tiêu chí xã Nông thôn mới theo Quyết định số 318/QĐ-TTg được cụ thể hóa tại Quyết định số 1002/QĐ-UBND				Nội dung chỉ tiêu, tiêu chí sửa đổi theo Quyết định số 211/QĐ-TTg		Sở, ngành hướng dẫn, thẩm định
TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Nội dung Tiêu chí	Chỉ tiêu	
3	Lao động	12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	$\geq 30\%$	Bãi bỏ nội dung tiêu chí “12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn” và chỉ tiêu “UBND cấp tỉnh quy định cụ thể” thuộc tiêu chí số 12 về Lao động.	Bãi bỏ	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
4	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	$\geq 1$ mô hình	13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.	$\geq 1$	Sở Nông nghiệp và PTNT
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	Đạt	13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.	Đạt	
5	Y tế	14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	14.2. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử	Đạt	Sở Y tế
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 40\%$	14.3. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa	Đạt	
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70\%$	14.4. Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử	Đạt	

Nội dung Chỉ tiêu, tiêu chí xã Nông thôn mới theo Quyết định số 318/QĐ-TTg được cụ thể hóa tại Quyết định số 1002/QĐ-UBND				Nội dung chỉ tiêu, tiêu chí sửa đổi theo Quyết định số 211/QĐ-TTg		Sở, ngành hướng dẫn, thẩm định
TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Nội dung Tiêu chí	Chỉ tiêu	
6	Hành chính công	15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	15.2. Có dịch vụ công trực tuyến một phần	Đạt	Văn phòng UBND tỉnh
7	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥ 1 mô hình	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở	Đạt	Sở Tư pháp
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành công	≥ 90%	16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành	≥ 90%	
8	Môi trường	17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hòa táng	≥ 5%	17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	Không quy định	Sở Xây dựng
9	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	Xã khu vực III ≥ 25%; Xã không thuộc khu vực III ≥ 35%	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥ 35%	Sở Nông nghiệp và PTNT
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	Xã khu vực III ≥ 40 lít; Xã không thuộc khu vực III ≥ 60 lít	18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥ 40 lít	
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	Xã khu vực III ≥ 20%; Xã không thuộc khu vực III ≥ 25%	18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥ 20%	



**Phụ lục III**  
**SỬA ĐỔI MỘT SỐ CHỈ TIÊU, TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2024 – 2025**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 211/QĐ-TTg**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh)*

Bộ Tiêu chí Huyện nông thôn mới sửa đổi theo Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 có 06 chỉ tiêu của 05 Tiêu chí được sửa đổi, gồm các tiêu tiêu 2.4-Tiêu chí số 2; chỉ tiêu 5.4-Tiêu chí số 5; Chỉ tiêu số 6.2; 6.4-tiêu chí số 6; chỉ tiêu số 7.4-tiêu chí số 7; chỉ tiêu 9.5-tiêu chí số 9. Trên cơ sở đề xuất của các ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La quyết định sửa đổi như sau:

Nội dung Tiêu chí huyện Nông thôn mới theo Quyết định số 320/QĐ-TTG đã được cụ thể hóa tại Quyết định số 1001/QĐ-UBND				Nội dung chỉ tiêu, tiêu chí sửa đổi theo Quyết định số 211/QĐ-TTg		Sở, ngành hướng dẫn, thẩm định
TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Nội dung Tiêu chí	Chỉ tiêu	
1	Giao thông	2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên	Đạt	2.4. Bến xe khách tại huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên	$\geq 01$	Sở Giao thông vận tải
2	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 1	5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 hoặc đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục thông qua các thiết chế giáo dục khác được giao chức năng, nhiệm vụ giáo dục thường xuyên trên địa bàn	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Kinh tế	6.2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	6.2. Có mô hình chợ đảm bảo an toàn thực phẩm theo hướng dẫn	Đạt	Sở Công thương

<b>Nội dung Tiêu chí huyện Nông thôn mới theo Quyết định số 320/QĐ-TTg đã được cụ thể hóa tại Quyết định số 1001/QĐ-UBND</b>				<b>Nội dung chỉ tiêu, tiêu chí sửa đổi theo Quyết định số 211/QĐ-TTg</b>		<b>Sở, ngành hướng dẫn, thẩm định</b>
<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Nội dung Tiêu chí</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	
		6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả	Đạt	6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoặc đơn vị chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
<b>Nội dung Chỉ tiêu, tiêu chí xã Nông thôn mới theo Quyết định số 318/QĐ-TTg được cụ thể hóa tại Quyết định số 1002/QĐ-UBND</b>				<b>Nội dung chỉ tiêu, tiêu chí sửa đổi theo Quyết định số 211/QĐ-TTg</b>		<b>Sở, ngành hướng dẫn, thẩm định</b>
<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Nội dung Tiêu chí</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	
4	Môi trường	7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp	≥ 01 công trình	7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng biện pháp phù hợp	≥ 01 công trình	Sở Tài nguyên và Môi trường
5	Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	9.5. Có dịch vụ công trực tuyến một phần	Đạt	Văn phòng UBND tỉnh